

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B C
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS – ST
Ngày: 10-01-2018
V/v “Tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B C TP. H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Âu G V.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng V A;

2. Bà Trần T N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T H – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B C, Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn V L - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 410/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 07 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2017/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn N T, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Nhà số C5/36 đường Hưng Nhơn, ấp 3, xã T K, huyện B C, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Kiều D K, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà số C5/16 ấp 3, xã T K, huyện B C, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn N T trình bày:

Ông và ông Kiều D K là bạn học. Tháng 8/2013 ông K có đề nghị mượn ông số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để làm ăn. Lúc vay ông K hứa sau vài tháng sẽ trả và trả thêm lãi vay 1%/tháng. Đến cuối năm 2013 ông K có mượn thêm ông số tiền 289.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu đồng) cũng với mức lãi 1%/tháng. Do là bạn bè nên cả hai lần vay ông không lập hợp đồng vay. Đến đầu năm 2014 ông yêu cầu ông K trả tiền đã mượn và tiền lãi như đã hứa thì ông K không trả với lý do làm ăn thất bại không có tiền trả. Ông K hẹn khi ba ông

K bán nhà sẽ xin tiền trả nợ cho ông. Trong thời gian chờ đợi ba ông Khoa bán nhà ông có đến nhà ông K nhiều lần để đốc thúc ông K trả nợ. Ban đầu ông K còn gặp ông và làm giấy “Giấy xác nhận nợ” với ông vào ngày 23/07/2015 nhưng sau đó thì lần tránh không gặp ông và cũng không trả nợ cho ông như đã cam kết. Cho đến nay mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông K vẫn lần tránh. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B C, Thành phố H buộc ông Kiều D K trả lại cho ông số tiền 389.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn N T có ý kiến như trên

- Bị đơn ông Kiều D K: Sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã triệu tập ông K đến Tòa làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tiến hành nhưng ông K không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt bằng việc niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.

Do vụ án không tiến hành hoà giải được, vì bị đơn vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên toà, mở vào ngày 19/12/2017 và ngày 10/01/2017; Toà án đã tiếp tục tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến ông K nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B C, thành phố H: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, bị đơn là ông Kiều D K có nơi cư trú ở tại huyện B C. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B C, Thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Phía bị đơn ông Kiều D K đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Qua đó, ông Kiều D K đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều

91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, lấy yêu cầu khởi kiện và “Giấy xác nhận nợ” ngày 23 tháng 07 năm 2015 có chữ ký của ông Kiều D K do phía nguyên đơn xuất trình là chứng cứ để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt ông Kiều D K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Căn cứ “Giấy xác nhận nợ” lập ngày 23 tháng 07 năm 2015 có chữ ký của ông Kiều D K do phía nguyên đơn xuất trình, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Nguyễn N T có cho ông Kiều D K vay số tiền 389.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu đồng) và không tính lãi từ năm 2013.

Từ khi ghi giấy xác nhận nợ cho đến nay, theo lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn N T thì bị đơn ông Kiều D K không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông K trả nợ. Việc bị đơn vi phạm thỏa thuận trả lại tài sản vay cho nguyên đơn, kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt hại cho phía nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kiều D K đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không đến tòa tham gia giải quyết vụ kiện, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ phía bị đơn ông Kiều D K không có thiện chí trả nợ, không có ý thức tôn trọng pháp luật, và đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình.

Nay nguyên đơn ông Nguyễn NT yêu cầu bị đơn ông Kiều D K phải trả số tiền còn nợ là 389.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu đồng), một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn N T là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Kiều Duy Khoa.

2. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N T đối với ông Kiều D K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông Kiều D K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn N T một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền: 389.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu đồng).

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án là ông K còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự: Ông Kiều D K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 19.450.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn N T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông T 9.725.000 đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0022348 ngày 05 tháng 07 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện B C Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Kiều D K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND B C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Âu G V